

# Nghề làm giấy dó xưa ở An Cốc

## (huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây)

VŨ TRUNG\*

*V*iệt Nam với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm mưa nhiều, địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi dày đặc, thảm thực vật đa dạng (mang tính phổ quát), cảnh quan phong phú. Đây chính là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của cây lúa nước, nó đã trở thành hằng số trong đời sống văn hoá Việt Nam. Do làm nông nghiệp trồng lúa nước nên đời sống người Việt mang tính chất tự cung tự cấp. Chu kỳ sản xuất nông nghiệp đã tạo ra khoảng thời gian nhàn rỗi, cùng với những nhu cầu thiết yếu hàng ngày các nghề thủ công ra đời.

Cách Hà Nội 27 km về hướng Nam dọc theo quốc lộ 1A, rẽ tay trái đi 7km ta sẽ tới làng An Cốc, một địa danh nổi tiếng với nghề làm giấy dó truyền thống. Làng An Cốc gồm hai xóm An Cốc Thượng và An Cốc Hạ (kê Quán), An Cốc Hạ xưa có tên là Thọ Vực (làng Bơi). Hai xóm hiện nay cách nhau một đoạn đê nằm ở hữu ngạn sông

Nhuệ (ngã ba từ Hà Đông xuôi Đông Quan đi Vân Đình, Hồng Minh đi Nam Hà). Làng An Cốc xưa làm nông nghiệp là chính, nghề làm giấy dó chỉ là nghề phụ trong lúc nông nhàn để tăng thêm thu nhập đảm bảo đời sống. Nhưng sau một thời gian làm giấy, dân làng thấy rằng thu nhập của nghề này cao hơn làm ruộng và họ bắt đầu chuyển hẳn sang làm giấy. Đến vụ mùa, họ thuê người cày cấy, gieo trồng, thu hoạch rồi hưởng phần trăm lợi tức.

Làng An Cốc từ năm 1945 trở về trước chuyên nghề làm giấy dó, lượng giấy làm ra bán đi các vùng lân cận như vùng Thường Tín, Hà Đông, Thăng Long, nhưng chủ yếu là vùng Thanh Hoá, Nghệ An. (Do ở sát Thăng Long đã có phường giấy Yên Thái). Nghề làm giấy dó ở đây chưa xác định rõ là xuất hiện từ bao giờ. Chỉ biết rằng trong cuốn sách Nôm do ông Lưu Văn Thuận (81 tuổi lúc ông mất) lưu giữ có ghi: “ngày 12 đến 19 tháng 8 (âm

---

\* Vũ Trung, Nghiên cứu viên, Viện Văn hóa - Thông tin

lich) là ngày đại Phúc của làng. Đó là ngày ông kỷ niệm ông tổ nghề dạy dân làng An Cốc làm giấy". Sách ghi rằng: Thái Luân (Trung Quốc) là thủy tổ được dân làng tôn thờ (hiện nay, cuốn sách này không còn lưu tại địa phương và lễ hội của làng được tổ chức vào ngày 19 tháng 8 nhưng thành hoàng làng lại là Cao Sơn Đại Vương?).

Các cụ già trong làng có kể rằng: có cụ tổ là người Việt, sau khi học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc đã truyền dạy cho nhân dân ba làng An Cốc - An Thái - An Hoà. Hàng năm, người dân hai làng An Cốc vẫn làm lễ để tạ ơn tổ Thái Luân và cụ tổ người Việt vào hai ngày 9 và 10 tháng riêng "Lễ thỉnh đức Tiên Sư". Trong tâm thức của dân làng, An Cốc chính là làng gốc của một số làng làm nghề giấy. Sau 1945 giấy An Cốc được sử dụng phổ biến: in tiền, in báo, dùng làm sách vở phục vụ cho học tập xoá nạn mù chữ... nguyên liệu chủ yếu là nứa, giang ở Hoà Bình. Ngoài ra, dân làng còn làm giấy dân sinh, giấy làm quạt, cuốn pháo...

Năm 1994 nghề làm giấy dó ở An Cốc đã không còn do nhiều nguyên nhân khác nhau:

- Giấy dó làm thủ công, mất nhiều công sức mà thu nhập không cao.

- Nguồn thu nhập chính của làng vào thời điểm này là làm các loại giấy cuốn pháo. Vì vậy, dân làng không làm nghề nữa mà chuyển về làm ruộng là chính, một số gia đình chuyển sang làm các nghề phụ khác như: làm vàng mã, mộc, ve

chai,...

Giấy dó làng An Cốc xưa có nhiều loại<sup>(1)</sup>:

- Giấy sắc: là loại giấy quý, giấy trúc nhưng có pha màu, tạo hoa văn hình rồng nhũ vàng nhũ bạc.

- Giấy vua phê: Giấy trắng như lụa mặt mịn, để vua phê và ghi chép.

- Giấy hành ri: loại giấy viết có trang trí hoa văn tích cổ.

Ba loại giấy này dùng loại dó khôn (loại tốt nhất) để làm.

- Giấy Phương: Giấy làm vàng mã.

- Giấy trúc: giấy làm quạt, làm pháo, để viết (tên gọi giấy trúc vì sản phẩm xeo trên khuôn có liềm bằng trúc).

- Giấy khay: giấy gói hàng, hay dùng làm bìa sách (sản phẩm xeo trên khuôn có liềm bằng đồng).

Những loại giấy này dùng loại dó bo, hay kênh (vỏ cây) để làm.

Các loại giấy dó nói trên là sản phẩm của các loại bột dó từ tinh khiết đến thứ phẩm. Người ta tận dụng hết phế phẩm của cây dó để làm giấy.

Thợ giấy làng An Cốc mua vỏ dó của lái buôn từ Yên Bái, Thái Nguyên xuống. Cây dó từ khi mua về đã được phân loại vì mỗi loại thường cho những loại giấy khác nhau. Cây dó thường cao 1m được cắt đôi ngâm riêng, ngọn dó để dùng làm giấy tốt, phần gốc thường làm bao bì, giấy gói hàng, bìa... Cây dó thường ngâm 2-3 ngày trong nước ao hồ, thường người ta ngâm từng bó như bó rơm sau đó vớt lên để ráo

nước. Dân làng đào một hố đất khoảng 1m<sup>2</sup> ở đầu làng, hoà nước vôi tương đối đặc vào hố, khi đó ráo nước người ta nhặt từng sợi, xếp bằng nhau nhúng vào hố rồi vớt lên ngay. Và khi đó nhũn người ta giã đập và cho vào vạc nấu chín.

Xưa cả làng có một chỗ chuyên luộc dó, người ta phân biệt dó của nhà nọ và nhà kia bằng một lớp lá cây. Dó được cho vào một vạc lớn, đun bằng trấu trong 3 ngày 3 đêm cửa lò đóng lại như lò gạch. Khi nguội thấy mùi thơm trong vạc bốc lên người ta đổ "men" vào. Sau đó người ta để tắt lửa vài hôm, cả làng ra giỡ và cho vào một cái rổ đường kính 1m, nan tre cách nhau khoảng 1cm rồi đem ra sông rửa sạch. Thọ giấy An Cốc dãi dó ven sông Nhuệ, cũng như làng Yên Thái dãi dó ven sông Tô Lịch. Qua đây, ta cũng có thể khẳng định rằng ven các sông ở châu thổ Bắc Bộ là nơi hình thành những làng nghề thủ công nhất là các làng nghề cần đến yếu tố nước.

Khi dó được rửa sạch, người ta lấy dao bóc lớp vỏ đen bên ngoài đi, lấy chân vò như vò lúa để bong hết vẩy đen. Sau đó, đem phơi nắng một ngày đến chiều thu lại lại rũ một lần nữa cho hết vẩy đen. Hôm sau mang ra sông rửa, dãi sạch bằng một rổ. Sau khi dãi sạch, người ta đem về ngâm trong bể nước mưa khoảng 1 tháng thấy có mùi thum thum thì đem ra giã. Trên đây là công đoạn sơ chế dó.

Công đoạn giã bột dó là vất vả nhất, đòi hỏi những người có kinh nghiệm và khi làm phải rất ăn khớp nhịp nhàng. Giã dó thường giã bằng cối đá, giã như giã giò hoặc giã bột làm bún.

- Cối đá có đường kính khoảng 45 - 50 cm, dít phẳng, mỏ chày bằng gỗ. Người làm chày phải là người rất khéo và lành nghề để cho chày vừa khít với miệng cối. Khi giã dó phải có từ 3-4 người dặm. Trước tiên người đứng đầu cối cho nguyên liệu vào cối, cối nhắc lên người ta lật lại bó dó, cứ liên tục như vậy đến khi dó bắt đầu nhuyễn và quánh lại trên thành cối. Người ta lại bóc những lớp xơ bột dó tiếp tục ném vào trong cối cho đến khi thật nhuyễn. Lấy chậu nước sạch bỏ bột dó vào đó nếu thấy mịn và bột dàn đều trên mặt nước không còn sợi to, nhỏ là được. Sau đó, họ lại ra dãi bằng một cái rá to với đường kính 1m nan khít để phân ra từng loại bột và xơ rồi đem ngâm trong bể nước sạch gọi là tàu xeo.

- Tàu xeo giấy: Chiều dài khoảng 1,8m đến 2m, chiều ngang 1m, cao khoảng 40 cm. Xưa tàu xeo thường làm bằng gỗ, có khi tận dụng ván áo quan người chết (ván thối) để làm. Nay thường được làm bằng phen nửa chất xi măng và nhất là từ khi chuyển sang làm giấy cuốn pháo thì dân làng thường xây tàu xeo bằng gạch. (Hiện nay ở làng còn lại 3 tàu xeo bằng gạch).

- Xeo giấy: Xeo giấy trước hết phải có nước nhót (men) chế từ nhựa cây Mỏ mọc trên vùng rừng Yên Bái. Đây là thứ men để hoà bột dó trong bể ngâm (tàu xeo), đồng thời là chất tạo cho bột dó kết thành giấy khi được vớt ra khỏi tàu xeo. Hơn nữa nhờ men này, các tờ giấy bóc ra khỏi bàn xeo dù còn ướt nhưng khi chồng lên nhau vẫn không bị dính. Người ta dùng khuôn để xeo giấy, khuôn xeo là một khuôn gỗ

hình chữ nhật, có kích thước bằng tờ giấy cần làm. Gõ làm khuôn xeo thường bằng gỗ vàng tâm, không cong vênh trong quá trình sử dụng và chịu được môi trường nước trong mọi điều kiện thời tiết. Khuôn phải có tám mảnh bằng tám cây trúc ken dày (liềm xeo), cũng có thể dùng loại liềm xeo bằng đồng khi làm loại giấy khay, bìa... (loại giấy xấu). Khi xeo giấy, người thợ cầm khuôn chao đi chao lại trong tàu xeo, bột dó ngấm trong tàu xeo sẽ láng một lớp mỏng lên liềm xeo. Khi nhắc khuôn xeo lên, nước tự thoát ra chỉ còn lại một lớp giấy mỏng rất đều liên kết thành tờ giấy.

- Ép giấy: Giấy được xeo từng tờ, xếp chồng lên nhau, được ép kiệt nước, ép giấy bằng bàn gỗ có đòn tay. (Xưa người ta thường dùng thân cây xoan dài, buộc đá ở hai đầu để ép giấy).

- Bóc uốn: Chồng giấy đã ép phải được bóc cẩn thận từng tờ, dán lên một cái phen, mỗi tờ cách nhau 0,5 cm xếp thành từng hàng.

- Giấy can: Nhúng chổi thông (từ cỏ dân làng gọi là "thét") vào nước, phết chổi lên mặt tờ giấy làm cho giấy thật phẳng.

- Phơi giấy và đóng gói: giấy đã can đem phơi khô, rồi lột từng tờ, để nạo mép và góc tờ giấy thật vuông vắn. Nếu giấy bị nhăn, người ta mang một cái đe bằng đá chèn lên một ngày rồi đem ra đóng gói. Đóng giấy thành từng trăm tờ một và khi bán thì bán từ trăm tờ trở lên (không bán lẻ).

Do nhu cầu mua nhiều chủng loại giấy

cho nên người dân phải làm thành nhiều loại hàng với mẫu mã khác nhau. Vì vậy, người ta nhuộm giấy để tạo màu: Có 2 cách nhuộm giấy:

+ Cho nước màu vào tàu xeo, để màu "cắn" vào bột tạo ra bột màu trước khi xeo.

+ Giấy đã phơi khô đem nhuộm nước màu.

Trong qui trình và kỹ thuật làm giấy ở làng An Cốc, thì chỉ có công đoạn đun dó, giã bột dó là do người đàn ông đảm nhận còn lại là công việc của người phụ nữ. Những công việc này đòi hỏi sự kiên trì, bàn tay nhanh nhẹn, khéo léo của người phụ nữ. Cũng chính vì vậy mà người phụ nữ nơi đây làm việc rất vất vả: 1 ngày họ xeo khoảng 35 - 40 cm giấy với lượng thời gian từ 10 - 12 giờ.

Tuy làng An Cốc hiện nay không còn duy trì nghề cổ truyền này nhưng trong ngày giỗ ông tổ nghề giấy (9 - 10 tháng giêng) dân làng vẫn tổ chức rất qui mô. Đặc biệt ở đây vẫn còn tục thi làm bánh dày tiến ông tổ nghề. Người dân An Cốc không chỉ tưởng nhớ tới nghề giấy mà còn cầu mong cho vị tổ nghề luôn phù hộ cho dân làng ấm no, hạnh phúc dù làm nông nghiệp hay các nghề khác để mưu sinh./.

## CHÚ THÍCH

1. Tư liệu do ông Lưu Văn Nho (67 tuổi - thôn An Cốc Hạ), bà Lưu Thị Nhị (73 tuổi - thôn An Cốc Thượng) cung cấp.